

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 202/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang

Nguyễn Thị Bích Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 212/2023/HNGĐ-TLST ngày 17/5/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2023/QĐ-ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị V**, sinh năm 1990.

HKTT: Thôn L, xã Th, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Thôn L 1, xã Th, huyện H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn Ch (Lê Văn Tr)**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn L, xã Th, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Liên bang Nga.

3. Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn L, xã Th, huyện H, tỉnh Hải Dương.

(Chị V có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Ch vắng mặt không có lý do.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Trịnh Thị V trình bày: Chị và anh Lê Văn Ch (Lê Văn Tr) tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã Q), huyện H, tỉnh Hải Dương ngày 07/9/2007. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Cuối năm 2018 chị V đã sang Liên bang Nga lao động, khoảng 2 tháng sau anh Ch cũng sang Nga lao động cùng với chị V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cùng nhau, sau đó do mâu thuẫn nên tháng 9/2021 chị V đã về Việt Nam, mục đích để làm đơn ly hôn với anh Ch. Vợ chồng cắt đứt liên lạc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch.

Về con chung: Chị và anh Ch có hai con chung là Lê Thế A, sinh ngày 10/7/2008 và Lê Thị Thùy L, sinh ngày 21/10/2012. Hiện nay chị đang làm việc tại công ty, nên việc đưa đón con không thuận lợi, do đó chị đã gửi hai con cho ông bà nội chăm sóc, cuối tuần chị đón các con về ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Ch không có tài sản chung, không có nợ chung, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn Ch hiện nay đang lao động tại Liên bang Nga, do chị V không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Ch nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Ch tại gia đình. Bà Nguyễn Thị Nh là mẹ đẻ anh Ch xác định, anh Lê Văn Ch còn có tên gọi khác là Lê Văn Tr và là con trai của bà. Anh Ch đi lao động ở Liên bang Nga từ tháng 9/2018 âm lịch, từ khi đi anh Ch chưa về Việt Nam lần nào. Bà không biết địa chỉ của anh Ch nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên anh Ch thường xuyên gọi điện thoại về gia đình. Chị V và anh Ch có thời gian cùng lao động tại Liên bang Nga, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tháng 9/2021 chị V về Việt Nam có ở lại gia đình bà được 2 tuần thì về nhà mẹ đẻ ở. Bà Nh đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Ch biết. Thông qua gia đình cũng như tại buổi làm việc với Tòa án, anh Ch đã trực tiếp gọi điện thoại về và thể hiện quan điểm: Anh xác định thời gian vợ chồng lao động ở Liên Bang Nga có xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị V đã về Việt Nam và về nhà bố mẹ đẻ ở. Hiện tại chị V có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên muốn ly hôn anh. Trong tháng 9/2023 (âm lịch) anh sẽ về Việt Nam để giải quyết việc gia đình,

nên tại thời điểm này anh chưa có quan điểm ly hôn. Về con chung, anh xác định có hai con là Lê Thế A và Lê Thị Thùy L, nếu chị V kiên quyết ly hôn, không đợi anh về thì đề nghị giao hai con cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh sẽ có trách nhiệm với các con. Về tài sản chung, nợ chung không có, nếu ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện tại anh không về Việt Nam để giải quyết ly hôn được, anh đề nghị Tòa án đợi anh đến tháng 9/2023 (âm lịch) anh về Việt Nam sẽ giải quyết ly hôn.

- Cháu Lê Thế A và cháu Lê Thị Thùy L là con chung của anh Ch, chị V có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Hiện tại hai cháu Lê Thế A và Lê Thị Thùy L đang ở với ông bà, cuối tuần chị V mới đón 2 con về chơi. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn cho anh Ch, chị V và giao con cho chị V nuôi dưỡng, bà yêu cầu chị V phải đón các con về chăm sóc vì ông bà đã già yếu không có điều kiện để chăm sóc các cháu.

- Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q thể hiện, anh Lê Văn Ch ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn và anh Lê Văn Tr ghi trong bằng lái xe ô tô, sổ hộ khẩu gia đình đều là một người và là con của ông Lê Văn L1 và bà Nguyễn Thị Nh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị V, anh Ch đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị V được ly hôn anh Ch. Về con chung: Giao con chung Lê Thế A, sinh ngày 10/7/2008 và Lê Thị Thùy L, sinh ngày 21/10/2012 cho chị Trịnh Thị V nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không đề nghị, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: chị V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trịnh Thị V và anh Lê Văn Ch đều có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Q, huyện H, tỉnh Hải Dương. Hiện anh Ch đang lao động tại Liên Bang Nga. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, chị V không cung cấp được địa chỉ của anh Ch tại Liên bang Nga. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Ch cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh Ch được biết, anh Ch thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Nh. Bà Nh đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Ch biết. Anh Ch chưa thể hiện quan điểm ly hôn, nhưng đã xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị V có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh Ch đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trịnh Thị V và anh Lê Văn Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã Q), huyện H, tỉnh Hải Dương ngày 07/9/2007, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Tháng 9/2021 chị V về Việt Nam, anh Ch ở lại Nga lao động, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh Ch. Quá trình giải quyết vụ án, anh Ch xác định khi ở Nga vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên anh đề nghị tháng 9/2023 (âm lịch) khi anh về Việt Nam mới giải quyết ly hôn. Xét thấy, thực tế việc anh Ch đề nghị đợi anh về không phải để vợ chồng hòa giải đoàn tụ mà mục đích cũng là để giải quyết việc ly hôn. Do vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh Ch và chị V đã kéo dài, mục đích Hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

- *Về con chung*: Chị Trịnh Thị V và anh Lê Văn Ch có hai con chung là Lê Thế A, sinh ngày 10/7/2008 và Lê Thị Thùy L, sinh ngày 21/10/2012. Ly

hôn chị V có nguyện vọng được nuôi cả hai con, anh Ch cũng đồng ý. Xét thấy, hiện tại anh Ch đang ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Chị V ở Việt Nam, có thu nhập và công việc ổn định nên cần giao con cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trịnh Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị V được ly hôn anh Lê Văn Ch (Lê Văn Tr).

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thế A, sinh ngày 10/7/2008 và Lê Thị Thùy L, sinh ngày 21/10/2012 cho chị Trịnh Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Lê Văn Ch được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2022/0000182 ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị V, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Lê Văn Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền